* **Hệ thống biểu (phần kỹ thuật) kèm theo thuyết minh dự án nuôi dưỡng rừng**

**Biểu 1: Tổng hợp tài nguyên rừng trước nuôi dưỡng – năm….**

**Chủ đầu tư:**

**Dự án:**

Đơn vị tính: N = cây; V = m3

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiểu khu | Khoảnh | Lô | Trạng thái | Diện tích (ha) | Tái sinh (cây/ha) | | | Phân bố theo cấp kính D/ha | | | | | | | | | | Mức độ dây leo, cây bụi | Độ tàn che | Tổ thành loài cây |
| Tổng TS | Tái sinh MĐ | Cây mục đích >2m | Tổng cộng/ lô | | Bình quân/ha | | Dự trữ | | Kế cận | | Thành thục | |
| N | V | N | V | N | V | N | V | N | V |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Tùy theo mục đích kinh doanh cụ thể mà xác định cấp kính cho từng nhóm dự trữ,kế cận, thành thục

Ngày lập biểu

Người lập biểu

**Biểu 2: Tổng hợp khối lượng ken, chặt nuôi dưỡng – năm….**

**Chủ đầu tư:**

**Dự án:**

Đơn vị tính: N = cây; V = m3

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiểu khu | Khoảnh | Lô | Diện tích | Khối lượng ken, chặt nuôi dưỡng/lô | | | | | | | Tổng cộng khối lượng cây gỗ ken, chặt | | | | Cường độ chặt(%) |
| Tái sinh/ha | Dự trữ | | Kế cận | | Thành thục | | Tổng lô | | Bình quân/ha | |
| N | V | N | V | N | V | N | V | N | V |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Người lập biểu

**Hệ thống biểu (phần kỹ thuật) kèm theo thuyết minh khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên kết hợp trồng bổ sung**

**Biểu 01: Khảo sát các yếu tố tự nhiên, sản xuất**

Chủ đầu tư: ………………………………………...

Dự án: …………………………………………………………………………...

Tiểu khu: ………………………………………………………………………..

Khoảnh: …………………………………………………………………………

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hạng mục** | **Khảo sát** | | |
| **Lô….** | **Lô….** | **Lô….** |
| **1. Địa hình** |  |  |  |
| - Độ cao (tuyệt đối, tương đối) |  |  |  |
| - Hướng dốc |  |  |  |
| - Độ dốc |  |  |  |
| **2. Đất** |  |  |  |
| - Đá mẹ |  |  |  |
| - Loại đất, đặc điểm của đất. |  |  |  |
| - Độ dày tầng đất mặt: M |  |  |  |
| - Thành phần cơ giới: nhẹ, trung bình, nặng |  |  |  |
| - Tỷ lệ đá lẫn: % |  |  |  |
| - Độ nén chặt: tơi xốp, chặt, cứng rắn. |  |  |  |
| - Đá nổi: % |  |  |  |
| - Tình hình xói mòn mặt: yếu, trung bình, mạnh |  |  |  |
| - Xếp loại đất theo định mức số 38/2005/QĐ-BNN |  |  |  |
| **3. Thực bì** |  |  |  |
| - Loại thực bì. |  |  |  |
| - Loài cây ưu thế. |  |  |  |
| - Chiều cao trung bình (m). |  |  |  |
| - Tình hình sinh trưởng (tốt, trung bình, xấu). |  |  |  |
| - Độ che phủ. |  |  |  |
| - Mật độ tái sinh mục đích có chiều cao > 50 cm (cây/ha) |  |  |  |
| - Gốc cây mẹ có khả năng tái sinh chồi (gốc/ha) |  |  |  |
| - Cây mẹ gieo giống tại chỗ (cây/ha) |  |  |  |
| - Xếp loại thực bì theo định mức số 38/2005/QĐ-BNN |  |  |  |
| **4. Cự ly vận chuyển cây con (m) và phương tiện vận chuyển.** |  |  |  |
| **5. Cự ly đi làm (m) và phương tiện đi lại.** |  |  |  |

Người lập biểu:

Ngày lập biểu:

**Biểu 02:** **Thiết kế biện pháp kỹ thuật tác động**

Tiểu khu: Khoảnh:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Biện pháp kỹ thuật** | **Lô thiết kế** | | |
| **Lô …** | **Lô…** | **…** |
| 1. Phát dọn dây leo bụi rậm |  |  |  |
| 2. Cuốc xới đất theo rạch, theo đám |  |  |  |
| 3. Tỉa dặm cây mục đích từ chỗ dầy sang chỗ thưa |  |  |  |
| 4. Tra dặm hạt trồng bổ sung các loài cây mục đích |  |  |  |
| 5. Sửa lại gốc chồi và tỉa chồi |  |  |  |
| 6. Phát dọn, vun xới quanh cây mục đích cây trồng BS |  |  |  |
| 7. Chặt bỏ cây cong queo, sâu bệnh, cây phi mục đích |  |  |  |

Người lập biểu:

Ngày lập biểu:

**Biểu 03:** **Thiết kế kỹ thuật trồng cây bổ sung**

|  |  |
| --- | --- |
| Tiểu khu:  Khoảnh: | Người lập biểu:  Ngày lập biểu: |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Biện pháp kỹ thuật** | **Lô thiết kế** | | |
| **Lô …** | **Lô …** |  |
| **I. Xử lý thực bì:** |  |  |  |
| 1. Phương thức |  |  |  |
| 2. Phương pháp |  |  |  |
| 3. Thời gian xử lý |  |  |  |
| **II. Làm đất:** |  |  |  |
| 1. Phương thức: |  |  |  |
| - Cục bộ |  |  |  |
| 2. Phương pháp (cuốc đất theo hố, kích thước hố, lấp hố…): |  |  |  |
| - Thủ công |  |  |  |
| 3. Thời gian làm đất |  |  |  |
| **III. Bón lót phân** |  |  |  |
| 1. Loại phân |  |  |  |
| 2. Liều lượng bón |  |  |  |
| 3. Thời gian bón |  |  |  |
| **IV. Trồng cây bổ sung:** |  |  |  |
| 1. Loài cây trồng |  |  |  |
| 2. Phương thức trồng |  |  |  |
| 3. Phương pháp trồng |  |  |  |
| 4. Công thức trồng |  |  |  |
| 5. Thời vụ trồng |  |  |  |
| 6. Mật độ trồng: |  |  |  |
| - Cự ly hàng (m) |  |  |  |
| - Cự ly cây (m) |  |  |  |
| 7. Tiêu chuẩn cây giống (chiều cao, đường kính cổ rễ, tuổi) |  |  |  |
| 8. Số lượng cây giống, hạt giống (kể cả trồng dặm) |  |  |  |
| **V. Chăm sóc, bảo vệ năm đầu:** |  |  |  |
| 1. Lần thứ nhất: (Tháng…..đến tháng…..) |  |  |  |
| - Nội dung chăm sóc: |  |  |  |
| + … |  |  |  |
| 2. Lần thứ 2, thứ 3…: Nội dung chăm sóc như lần thứ nhất hoặc tùy điều kiện chỉ vận dụng nội dung thích hợp |  |  |  |
| 3. Bảo vệ: |  |  |  |
| -....... |  |  |  |

**Biểu 04:** **Thiết kế kỹ thuật chăm sóc bảo vệ cây trồng bổ sung năm thứ 2, 3…**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiểu khu:  Khoảnh: | Người lập biểu:  Ngày lập biểu: | | |
| **Hạng mục** | **Công thức kỹ thuật** | | |
| **I** | **II** | **III** |
| **I. Đối tượng áp dụng:** cây trồng bổ sung năm thứ II, III,  **II. Chăm sóc:**  1. Lần thứ nhất (tháng …. đến …tháng….)  a. Trồng dặm.  b. Phát thực bì: (toàn diện, theo băng, theo hố, hoặc không cần phát).  c. Làm cỏ, xới đất, vun gốc, cày bừa đất v.v…  d. Bón phân: (loại phân bón, liều lượng, kỹ thuật bón…)  2. Lần thứ 2, thứ 3,…: nội dung chăm sóc tương tự như lần thứ nhất hoặc tùy điều kiện chỉ vận dụng nội dung thích hợp. |  |  |  |
| **III. Bảo vệ:**  1. Phòng chống lửa: làm mới, tu sửa đường băng cản lửa.  2. Chống người, gia súc:  - Công bảo vệ. |  |  |  |